

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2022

A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. Đánh giá chung

Năm 2022, là năm bản lề, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Kế hoạch kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021 - 2025, bên cạnh những yếu tố thuận lợi, vẫn còn nhiều khó khăn như: Giá nguyên, nhiên vật liệu tăng cao; thời tiết cực đoan, dị thường gây lũ lụt làm thiệt hại nặng cho Vụ Đông - Xuân 2021 - 2022, dịch bệnh vẫn còn xảy ra,... Quán triệt sâu sắc phương châm hành động của Chính phủ: “*Đoàn kết, kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển*”, của tỉnh: “*Trách nhiệm, kỷ cương - Thích ứng an toàn - Thúc đẩy tăng trưởng*”, và của huyện: “*Trách nhiệm, kỷ cương - Thích ứng an toàn - Tăng tốc về đích nông thôn mới*”, lãnh đạo huyện đã cùng các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nỗ lực phấn đấu, thực hiện đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra. Vì vậy, tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 có nhiều khởi sắc, ghi nhận nhiều tín hiệu hồi phục tích cực, kết quả có **17/18** chỉ tiêu đạt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị sản xuất các ngành ước đạt 6.435,314 tỷ đồng, tăng 13,1%¹, đạt KH (KH: tăng 13-14%);

2. Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp ước đạt 1.266,4 tỷ đồng, giảm 01%, không đạt KH (KH: tăng 4-5%), chiếm tỷ trọng 19,68%; trong đó:

+ Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 847,3 tỷ đồng, giảm 3,5%, không đạt KH (KH: tăng 3-4%) (Trồng trọt ước đạt 543,5 tỷ đồng, giảm 7,3%; chăn nuôi ước đạt 234,9 tỷ đồng, tăng 4,5%);

+ Giá trị sản xuất lâm nghiệp ước đạt 146,5 tỷ đồng, tăng 7,1%, đạt KH (KH: tăng 6-8%);

+ Giá trị sản xuất ngư nghiệp ước đạt 272,6 tỷ đồng, tăng 3,4%, không đạt KH (KH: tăng 7-8%);

3. Giá trị Công nghiệp - Xây dựng ước đạt 2.559,167 tỷ đồng, tăng 18,8%, vượt KH (KH: 16-17%), chiếm tỷ trọng 39,77%; trong đó:

+ Giá trị CN-TTCN ước đạt 1.035,924 tỷ đồng, tăng 18%, đạt KH (KH: tăng 17-18%);

¹ Số liệu tăng, giảm được hiểu so với năm 2021

+ Giá trị XDCB ước đạt 1.523,243 tỷ đồng, tăng 19,3%, vượt KH (KH: tăng 15-16%);

4. Giá trị TM-DV ước đạt 2.609,747 tỷ đồng, tăng 15,6%, đạt KH (KH: tăng 15-16%), chiếm tỷ trọng 40,55%;

5. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 63,4 triệu đồng/năm, đạt KH (KH: 63-65 triệu đồng);

6. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 2.047,167 tỷ đồng, vượt KH (KH: 1.978,426 tỷ đồng);

7. Tổng thu NSNN ước đạt 708,550 tỷ đồng, đạt 154% DT tỉnh giao, 143% DT huyện giao. Thu NSNN trên địa bàn ước đạt 93,452 tỷ đồng, đạt 147% DT tỉnh giao, 125% DT huyện giao; trong đó: Thu tiền sử dụng đất 28 tỷ đồng, đạt 112% DT tỉnh giao, 80% DT huyện giao.

8. Có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt KH (KH: 03 xã);

9. Có 30/42 Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt KH (KH: 30/42 Trường);

10. Tỷ suất sinh giảm còn 8,9‰, đạt KH (KH: dưới 09‰); tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên ước đạt 0,4%, đạt KH (KH: 0,4%); tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên 19%, không đạt KH (KH: dưới 17%);

11. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi theo cân nặng là 6,6%, đạt KH (KH: dưới 7%);

12. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT ước đạt 98%, đạt KH (KH: 98%);

13. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 59,8%, đạt KH (KH: 59,8%); trong đó: Lao động qua đào tạo nghề 48,4%, đạt KH (KH: 48,4%);

14. Tạo việc làm mới cho 3.409 người, vượt KH (KH: 1.850 người); trong đó: Xuất khẩu lao động 488 người, vượt KH (KH: 200 người);

15. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2022 ước giảm 01%, đạt KH (KH: giảm từ 01-1,5%);

16. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%, đạt KH (KH: 42%);

17. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt KH (KH: 100%); trong đó: Tỷ lệ sử dụng nước sạch ước đạt 63%, đạt KH (KH: 63%);

18. Chỉ tiêu giao quân đạt 100% KH.

II. Những kết quả nổi bật

1. Tình hình kinh tế - xã hội có nhiều khởi sắc, ghi nhận nhiều tín hiệu hồi phục tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng 13,1% đạt kế hoạch đề ra, giá trị ngành Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ tăng cao, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế. Thu nhập bình quân đầu người đạt 63,4 triệu đồng/năm. Các tiềm năng, lợi thế từng bước được phát huy và đóng góp ngày càng nhiều hơn vào tăng trưởng.

2. Trong điều kiện khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh nhưng huyện đã tích cực chỉ đạo công tác thu ngân sách vượt dự toán tỉnh giao và dự

toàn huyện giao. Tổng thu ngân sách nhà nước: 697,142 tỷ đồng, đạt 153%DT tỉnh giao, 143% DT huyện giao. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 86,626 tỷ đồng, đạt 136%DT tỉnh giao, 125%DT huyện giao.

3. Chương trình MTQG về xây dựng NTM được tập trung chỉ đạo quyết liệt, đạt được nhiều kết quả, dự kiến đến cuối năm 2022 tất cả các xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn NTM; Huyện đạt 3/9 tiêu chí huyện nông thôn mới.

4. Việc thực hiện nhiệm vụ quy hoạch trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực, đảm bảo yêu cầu về chất lượng và tiến độ, nhất là quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2040, định hướng đến năm 2050 được tập trung chỉ đạo quyết liệt với sự tham gia của nhiều cơ quan, ban, ngành, địa phương.

5. Công tác phòng, chống, khắc phục thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trong năm 2022 được chỉ đạo thực hiện kịp thời, đảm bảo sản xuất, đời sống của Nhân dân trên địa bàn.

6. Công tác kêu gọi, xúc tiến đầu tư trên địa bàn tiếp tục được chú trọng. UBND huyện đã tham gia ý kiến thẩm định 12 dự án đầu tư vào huyện. Có 02 dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; 03 dự án được UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

7. Các hoạt động kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng huyện Triệu Phong (29/4/1972 - 29/4/2022); kỷ niệm 115 năm Ngày sinh Tông Bí thư Lê Duẩn (7/4/1907-7/4/2022); kỷ niệm 75 năm Ngày TBLS (27/7/1947-27/7/2022) được tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện trang trọng, sáng tạo, giàu ý nghĩa, được lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao và để lại ấn tượng sâu sắc. Nhiệm vụ phát triển giáo dục, y tế, an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và thực hiện chế độ chính sách đối với thương binh, bệnh binh, người có công, gia đình liệt sỹ và đời sống Nhân dân luôn được quan tâm. Công tác giải quyết việc làm được thực hiện hiệu quả, năm 2022 có 473 người đi xuất khẩu lao động đạt 236,5% KH. Công tác cải cách hành chính có nhiều tiến bộ.

8. Công tác đối ngoại được thực hiện tích cực, đã tranh thủ sự quan tâm, giúp đỡ của các tổ chức phi Chính phủ, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước với số tiền 18,487 tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn.

9. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

III. Đánh giá kết quả cụ thể trên từng ngành, lĩnh vực

1. Kinh tế

1.1. Sản xuất nông - lâm - thủy sản

Năm 2022, sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do diễn biến bất thường của thời tiết, dịch bệnh vẫn còn xảy ra,... Vụ Đông Xuân 2021 - 2022 chịu ảnh hưởng lớn của đợt mưa lũ cực đoan, dị thường xảy ra trong thời điểm cây lúa đang trong giai đoạn làm đòng - trổ bông gây thiệt hại nặng nề cho sản

xuất nông nghiệp. Vụ Hè - Thu năm 2022 diễn ra trong điều kiện khá thuận lợi, cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất cây lúa cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái.

* Trồng trọt

Toàn huyện gieo trồng 16.134,4 ha, tăng 75,4 ha, đạt 100% KH; trong đó:

Đối với cây lúa: Tổng diện tích gieo cấy đạt 11.506,8 ha, giảm 17,9 ha² đạt 99,9% KH (trong đó, diện tích lúa chất lượng cao chiếm hơn 80%). Năng suất lúa thu hoạch bình quân đạt 52,3 tạ/ha, giảm 6,6 tạ/ha³. Sản lượng thóc đạt 60.180,6 tấn, giảm 7.515,3 tấn, đạt 88,5% KH.

Thực hiện bố trí giống lúa ngắn ngày và cực ngắn có thời gian sinh trưởng từ 85 - 90 ngày như: HN6, Bắc thơm số 7, Đài thơm 8, Khang dân, ĐD2,... Giảm diện tích các giống lúa chất lượng thấp, giống bị nhiễm sâu bệnh. Ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất như: Phun thuốc diệt cỏ, thuốc bảo vệ thực vật bằng máy bay không người lái; công cụ gieo sạ hàng, phân bón hữu cơ vi sinh, chế phẩm Tricoderma phân hủy gốc rạ,...

Các mô hình nông nghiệp sạch theo phương pháp canh tác tự nhiên, mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh thích với biến đổi khí hậu (CSA) được duy trì và nhân rộng mang lại hiệu quả cao, đến nay đã phát triển được 55,48 ha (tăng 3,48 ha) lúa canh tác tự nhiên ở các xã: Triệu Trung, Triệu Sơn, Triệu Trạch và Triệu Tài; 120 ha mô hình CSA ở các xã: Triệu Độ và Triệu Giang. Sản xuất 25 ha lúa theo hướng hữu cơ, VietGAP tại xã Triệu Độ và Triệu Đại.

Đối với cây trồng khác: Toàn huyện gieo trồng 4.627,6 ha, tăng 93,3 ha; trong đó: Cây Ngô: 334,1 ha, đạt 95,5% KH, năng suất bình quân đạt 49,5 tạ/ha, giảm 01 tạ/ha; Khoai lang: 436,4 ha, tăng 41,2 ha, đạt 97% KH, năng suất đạt 81,5 tạ/ha, giảm 1,4 tạ/ha; Sắn: 650 ha, giảm 60 ha, đạt 92,9% KH, năng suất đạt 102,2 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha; Lạc: 309,7 ha, tăng 5 ha, đạt 99,9% KH, năng suất đạt 13,3 tạ/ha, giảm 6 tạ/ha; Rau các loại: 2.093,7 ha, tăng 32,3 ha, đạt 104,7% KH, năng suất đạt 95,1 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha; Đậu các loại: 405,7 ha, tăng 78,7 ha, đạt 101,4% KH, năng suất đạt 8 tạ/ha, giảm 1tạ/ha; Ót: 181,5 ha, giảm 22,2 ha, đạt 90,8% KH; năng suất bình quân 51,4 tạ/ha, giảm 3,3 tạ/ha; Các cây trồng khác: 149 ha, tăng 13 ha, đạt 114,6% KH.

* Chăn nuôi - Thú y

Chất lượng đàn gia súc, gia cầm từng bước được cải thiện; nhiều địa phương đã quan tâm đổi mới phương thức chăn nuôi theo hướng chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi quy mô lớn, chăn nuôi công nghệ cao gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, hạn chế rủi ro trong chăn nuôi. Hiện nay, trên địa bàn có 56 cơ sở chăn nuôi đạt quy mô trang trại, trong đó 41 trang trại quy mô nhỏ, 14 trang trại quy mô vừa, 01 trang trại quy mô lớn.

Tổng đàn gia súc ước đạt 43.850 con, tăng 964 con, đạt 95,6% KH, trong đó: Đàn trâu 1.250 con, tăng 14 con, đạt 90,6% KH; đàn bò: 7.900 con, tăng 50 con, đạt 90,8% KH; đàn lợn 34.000 con, tăng 925 con, đạt 97,1% KH; đàn dê

² Xã Triệu Giang chuyển đổi diện tích trồng lúa không hiệu quả sang trồng cây màu.

³ Vụ Đông - Xuân 46,7 tạ/ha, giảm 16,1 tạ/ha; vụ Hè - Thu 58,3 tạ/ha, tăng 3,5 tạ/ha.

700 con, tăng 06 con, đạt 100% KH; Tỷ lệ Zê bu đàm Bò 65% đạt 100% KH; tổng đàn gia cầm 850.000 con, tăng 125.000 con, đạt 106,3% KH.

Tình hình dịch bệnh: Từ đầu năm 2022 đến nay, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên địa bàn 13 xã⁴. Bệnh Cúm gia cầm A/H5N8 xảy ra tại 2 hộ ở thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng⁵. Trước tình hình đó, UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn, địa phương nhanh chóng triển khai các giải pháp nhằm khống chế ổ dịch không để lây lan ra diện rộng, đến nay, UBND huyện đã công bố hết dịch.

Công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm tiếp tục được chỉ đạo triển khai tích cực. Công tác kiểm tra, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y được thực hiện hiệu quả góp phần hạn chế sự lây lan dịch bệnh trên động vật nuôi và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

*** Lâm nghiệp**

Tổng diện tích đất có rừng là 14.724,3 ha, trong đó: đất rừng tự nhiên 1.039,2 ha, đất rừng trồng 13.685,1 ha. Diện tích rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt, có 1.040,74 ha rừng được cấp chứng chỉ FSC, VFCS. Năm 2022, diện tích rừng trồng tập trung là 1.850 ha. Tổng diện tích rừng chăm sóc là 4.950 ha, diện tích rừng khai thác là 1.850 ha, sản lượng gỗ khai thác đạt 216.000m³.

Hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật được tổ chức thực hiện có hiệu quả, góp phần ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. UBND huyện đã chỉ đạo các địa phương có rừng và các chủ rừng xây dựng phương án, triển khai công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng năm 2022 đảm bảo kế hoạch đề ra. Trong năm 2022 trên địa bàn huyện không có cháy rừng xảy ra.

*** Thủy sản**

Công tác nuôi trồng thủy sản được tích cực chỉ đạo, các địa phương mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tuân thủ đúng khuyến cáo khung lịch thời vụ thả giống. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 làm giá tôm xuống thấp và ảnh hưởng của thời tiết và môi trường bất lợi dẫn đến dịch bệnh xảy ra trên địa bàn 03 xã bãi ngang làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng tôm nuôi các tháng đầu năm 2022. Hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản tiếp tục được phát triển. Nuôi cá nước ngọt được đầu tư xây dựng hệ thống ao hồ, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản cả năm đạt 833,1 ha, giảm 86,9ha, đạt 90,6% KH, trong đó: diện tích nuôi nước lợ - mặn: 529,4 ha (chuyên tôm: 495,7 ha), thủy sản nước ngọt: 303,7 ha. Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 2.939,1 tấn, giảm 211 tấn, đạt 87,7% KH, trong đó: Tôm 2.353,6 tấn, giảm 441,5 tấn đạt 79,8% KH, cá nước ngọt 520,5 tấn, tăng 190,5 tấn, đạt 138,8% KH. Sản lượng khai thác thủy hải sản ước đạt 3.508 tấn, tăng 358 tấn, đạt 106,8% KH. Trong đó khai thác hải sản 3.215 tấn, thủy sản 293 tấn.

⁴ Tổng số 299 con lợn các loại buộc phải tiêu hủy của 97 hộ; Tổng trọng lượng tiêu hủy 18.804 kg. Hiện nay, trên địa bàn chưa có ổ dịch mới.

⁵ Tổng số bị bệnh và tiêu hủy 8.500 con vịt

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai Luật Thủy sản năm 2017, đặc biệt là tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đảm bảo ngư dân, cán bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thủy sản thực hiện tốt có hiệu quả Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp - PTNT.

*** Kinh tế Hợp tác xã**

Hoạt động kinh tế hợp tác xã tiếp tục đổi mới, phát triển; đến nay, toàn huyện có 79 HTX kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất nông - ngư nghiệp⁶. Phối hợp với Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh rà soát một số hợp tác xã có hoạt động có hiệu quả trên địa bàn để lập kế hoạch xây dựng đề án hỗ trợ cho giai đoạn sắp tới. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ HĐQT các hợp tác xã trên địa bàn.

*** Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh theo kế hoạch, đúng lộ trình đề ra. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025. BCĐ xây dựng nông thôn mới huyện đã tổ chức làm việc với UBND các xã Triệu An, Triệu Lăng, Triệu Vân để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới trong năm 2022. Tiếp tục chỉ đạo rà soát Bộ tiêu chí xã nông thôn mới 17/17 xã theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất nhu cầu đầu tư đối với các xã xây dựng nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

*** Công tác PCTT và TKCN**

Công tác PCTT&TKCN được chú trọng triển khai thực hiện từ đầu năm, chỉ đạo các địa phương chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để đảm bảo cho việc huy động lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, sẵn sàng ứng cứu và phục vụ công tác khắc phục thiên tai trên địa bàn huyện.

UBND huyện, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn chủ động ứng phó với mưa lũ bất thường xảy ra vào cuối tháng 3 đầu tháng 4, cơn bão số 4, số 5 để hạn chế thấp nhất thiệt hại do bão, lụt gây ra. Bão và mưa lớn đã làm hư hỏng một số đoạn kè, kênh mương, sạt lở bờ sông, hoa màu, tài sản của Nhân dân,... ước thiệt hại khoảng 109,59 tỷ đồng.

*** Việc triển khai xây dựng các mô hình, thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp**

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 12/11/2021 của Huyện ủy về phát triển KTXH vùng gò đồi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Kết luận số 66-KL/HU ngày 18/12/2020 của Huyện ủy về tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU của Huyện ủy (khóa XIX) “Về xây dựng cánh đồng lớn, phát triển trang trại, gia trại giai đoạn 2016 - 2020”.

⁶ Trong năm 2022, có 16 hợp tác xã giải thể bắt buộc ; có 7 HTX thành lập lại, 4 HTX đăng ký thành lập mới, 7 HTX đăng ký thay đổi nội dung đăng ký HTX.

Chương trình Mô hình xã một sản phẩm (OCOP) tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả⁷. Tiếp tục duy trì sản xuất cánh đồng lớn ở 55 HTX với diện tích 1.900 ha đã góp phần giảm lượng giống gieo sạ, hạn chế dùng thuốc BVTV. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai sản xuất các giống lúa mang lại hiệu quả kinh tế cao, chống chịu sâu bệnh tốt⁸. Các mô hình đạt tiêu chí trang trại, trang trại ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất trong chăn nuôi được tiếp tục duy trì và phát triển⁹.

Đối với các xã vùng gò đồi, từng bước cải tạo vườn tạp, phục hồi 1,3 ha bưởi Thanh Trà ở xã Triệu Thượng, trồng mới 10,1 ha bưởi da xanh (4,5 ha ở xã Triệu Ái, 5,5 ha ở xã Triệu Thượng). Trồng thử nghiệm 1,5 ha mít Thái Lan siêu sớm theo tiêu chuẩn VietGAP; triển khai mô hình trồng thâm canh gỗ lớn cây keo lai nuôi cấy mô 10,5 ha; mô hình Nông Lâm kết hợp được thực hiện với quy mô 3,6 ha với tổ hợp cây trồng con nuôi là: cam, bưởi da xanh, giỗi xanh, mít thái, chè vằng và con gà ở xã Triệu Thượng.

1.2. Công nghiệp - TTCN

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các cơ sở dần được khôi phục và khá ổn định, các sản phẩm chính vẫn duy trì sản lượng sản xuất. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp vẫn còn gặp khó khăn trong khâu sản xuất do giá nguyên liệu, nhiên liệu biến động, tăng cao, ảnh hưởng đến giá trị sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 28/4/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (Khóa XX) về “Phát triển Công nghiệp-TTCN, Thương mại-Dịch vụ giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Đề án “Một số chính sách hỗ trợ phát triển Công nghiệp-TTCN, Thương mại - dịch vụ giai đoạn 2022 - 2026”. Hoàn thành hồ sơ trình UBND tỉnh đề xuất bổ sung quy hoạch Cụm công nghiệp Tây Triệu Phong vào Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.

Công tác kêu gọi, xúc tiến đầu tư trên địa bàn tiếp tục được chú trọng. UBND huyện đã tham gia ý kiến thẩm định 12 dự án đầu tư vào địa bàn, có 02 dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; 03 dự án được UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư

⁷ Xây dựng 07 sản phẩm OCOP đạt 3 sao (Bột diếp cá, Miền nghệ, Miền tía tô, Bột rau má của HTX Đông Triều; Bột sen quê Trần Lan, Bột tía tô của Cơ sở sản xuất Trần Lan; Bánh nổ Sương Mai) và 01 sản phẩm đạt 4 sao (Bột tía tô của HTX Đông Triều) và có 01 sản phẩm được công nhận lại đạt 04 sao (Gạo sạch Triệu Phong).

⁸ Phối hợp với Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi Quảng Trị sản xuất 17 ha giống lúa HC95, 02 ha giống lúa Tiên Hải, 50 ha lúa ĐD2. Phối hợp với Công ty Thương mại Quảng Trị liên kết sản xuất: 15 ha giống lúa ST24, HN6 theo hướng hữu cơ; Phối hợp với Công ty Giống cây trồng Thừa Thiên Huế liên kết sản xuất 20 ha lúa NA2 và 13 ha ST24. Tổ chức sản xuất 10 ha lúa ST24 theo tiêu chuẩn VietGAP; Các mô hình khảo nghiệm giống lúa được triển khai mới: HANA số 7 ở HTX Vân Hòa, Hà Phát 3 ở HTX An Lộn xã Triệu Hòa, ADI 28 ở HTX Nai Cửu xã Triệu Thành.

⁹ Đã triển khai xây dựng 02 mô hình nuôi bò chuyên thịt thâm canh tại xã Triệu Sơn, Triệu Long, trồng 02 ha cỏ phục vụ chăn nuôi bò tại các xã: Triệu Sơn, Triệu Thuận, Triệu Ái; Mô hình nuôi vịt ứng dụng công nghệ cao quy mô 10.000 con/lứa tại xã Triệu Sơn, 5.000 con/lứa tại xã Triệu Thượng; 01 mô hình nuôi gà ứng dụng công nghệ cao tại xã Triệu Thượng quy mô 5.000 con/lứa; 02 mô hình chăn nuôi đạt tiêu chí kinh tế trang trại tại 02 xã: Triệu Ái và Triệu Thượng; Triển khai mô hình nuôi tôm công nghệ cao theo quy trình ba giai đoạn quy mô 0,7 ha ở xã Triệu Vân. Triển khai thử nghiệm mô hình nuôi lươn không bùn tại xã Triệu Thành.

Cụm công nghiệp Ái Tử hiện có 12 doanh nghiệp đầu tư, trong đó 06 hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, có 04 dự án đang tạm ngừng hoạt động¹⁰, có 01 doanh nghiệp sử dụng đất không đúng mục đích, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thu hồi đất (Công ty TNHH TMDV Hoàng Oanh). Cụm công nghiệp Đông Ái Tử có 20 doanh nghiệp được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, trong đó, 08 doanh nghiệp đã đưa dự án vào hoạt động (hiện nay, có 03 doanh nghiệp gặp khó khăn trong SXKD nên tạm ngừng hoạt động¹¹), 09 doanh nghiệp đang triển khai xây dựng nhà xưởng, 03 doanh nghiệp chưa triển khai dự án.

Công tác khuyến công được thực hiện tích cực, khảo sát tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện để hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công tỉnh và huyện¹². Xây dựng và triển khai kế hoạch bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2022¹³.

1.3. Thương mại - Dịch vụ

Tình hình giá cả thị trường khá ổn định; các mặt hàng thiết yếu được cung ứng từ nhiều địa phương đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu của nhân dân; tình trạng đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, hiện tượng hàng giả, hàng kém chất lượng ít xảy ra. Triển khai công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn huyện Triệu Phong năm 2022; Giải tỏa chợ tạm tại khu vực Bích La Đông và phía ngoài Chợ Trung tâm xã Triệu Thành; đề xuất Sở Công Thương điều chỉnh quy hoạch chợ, chuyển chợ Bồ Bản sang di dời, đầu tư tại vị trí mới.

Tổ chức gian hàng trưng bày các sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu của huyện và hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia Hội chợ thương mại Quốc tế Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS) - Quảng Trị 2022; tham gia trưng bày tại Hội chợ triển lãm Thương mại-Dịch vụ Gio Linh 2022.

1.4. Khoa học - Công nghệ

Công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh. Thực hiện công tác hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm tiêu biểu của địa phương¹⁴; hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ năm 2022¹⁵; tiếp tục duy trì áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo đúng quy định.

1.5. Xây dựng cơ bản

UBND huyện đã tập trung nguồn lực và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân nguồn vốn các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn đảm bảo kế hoạch đề. Thực hiện tốt công tác GPMB, tích cực chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ; tập

¹⁰ Công ty TNHH Chính Minh, Công ty TNHH MTV Anh Quân Nguyễn, HKD Lê Thị Thu Sương, DNTN Sỹ Tiến

¹¹ Công ty TNHH Chế biến gỗ Quang Huy, Công ty TNHH MTV Gỗ Đức Hùng Quảng Trị, Công ty TNHH MTV Lương Điện

¹² hỗ trợ cho 04 đề án khuyến công tỉnh với tổng kinh phí hỗ trợ 390 triệu đồng; 06 đề án khuyến công huyện với tổng kinh phí hỗ trợ là 200 triệu đồng;

¹³ Được tinh công nhận 02 sản phẩm: Bộ sản phẩm bột tía tô sấy lạnh và bột gừng sấy lạnh Trần Lan; Bột tía tô của HTX nông nghiệp sạch Đông Triều xã Triệu Tài là sản phẩm CNNT tiêu biểu tỉnh Quảng Trị năm 2022

¹⁴ Cam Thượng Phước (xã Triệu Thượng), Nấm Xuân Thanh (xã Triệu Tài), Organic Tịnh Hoài (xã Triệu Vân)

¹⁵ Hỗ trợ đối với Dự án ứng dụng công nghệ sinh học vào nuôi cá bể bạt, HTX nông sản sạch Đông Triều

trung vận động người dân nhận tiền, bàn giao mặt bằng để thi công các công trình theo tiến độ đề ra¹⁶. Xây dựng quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2040, định hướng đến năm 2050. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án về huy động hiệu quả các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

Năm 2022, tổng vốn đầu tư do huyện quản lý là 228,382 tỷ đồng¹⁷, ước giải ngân 199,139 tỷ đồng, đạt 94% kế hoạch. Giá trị xây dựng cơ bản (theo giá hiện hành) đạt 1.792,051 tỷ đồng; trong đó: Giá trị đầu tư do nhà nước quản lý đạt 448,013 tỷ đồng, giá trị đầu tư trong nhân dân đạt 1.344,038 tỷ đồng. Tính theo giá so sánh 2010 là 1.523,243 tỷ đồng, trong đó: Giá trị đầu tư do nhà nước quản lý đạt 380,811 tỷ đồng, giá trị đầu tư trong nhân dân đạt 1.142,432 tỷ đồng.

1.6. Tài chính - Ngân hàng

Tổng thu NSNN ước đạt 708,550 tỷ đồng, đạt 154% DT tỉnh giao, 143% DT huyện giao. Thu NSNN trên địa bàn ước đạt 93,452 tỷ đồng, đạt 147% DT tỉnh giao, 125% DT huyện giao; trong đó: Thu tiền sử dụng đất 28 tỷ đồng, đạt 112% DT tỉnh giao, 80% DT huyện giao. Tình hình thu ngân sách năm 2022 nếu loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất và các khoản thu không ổn định thì thu cân đối ngân sách là 59.772 tỷ đồng, đạt 166% DT tỉnh giao, 173% DT huyện giao.

Tổng chi ngân sách địa phương: 601,837 tỷ đồng, đạt 132% DT tỉnh giao, 123% DT huyện giao, trong đó: Chi đầu tư phát triển: 72,315 tỷ đồng, đạt 218% DT tỉnh giao, 101% DT huyện giao; Chi thường xuyên: 402,636 tỷ đồng, đạt 101% DT tỉnh giao, 99 %DT huyện giao; Chi dự phòng ngân sách huyện 8,882 tỷ đồng, đạt 100% DT; Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu: 114,156 tỷ đồng.

Hoàn thành Đề án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Đề án xử lý cơ sở nhà, đất theo hình thức bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSD đất trên địa bàn huyện theo đúng quy định.

Hệ thống ngân hàng tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp đáp ứng kịp thời vốn vay cho nhân dân và các doanh nghiệp phục vụ sản xuất kinh doanh. Tổng nguồn huy động của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện 1.350 tỷ đồng, đạt 94,6% KH, tổng dư nợ 1.005 tỷ đồng, đạt 106,8% KH, doanh số cho vay 1.412 tỷ đồng, doanh số thu nợ 1.202 tỷ đồng. Tổng nguồn vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện 482,2 tỷ đồng, tổng dư nợ 481,5 tỷ đồng, nợ quá hạn 179 triệu đồng, doanh số cho vay 144,7 tỷ đồng, doanh số thu nợ 98,9 tỷ đồng.

1.7. Tài nguyên - Môi trường

Công tác quản lý nhà nước về Tài nguyên - Môi trường tiếp tục được chú trọng, việc cấp GCNQSDĐ, giao đất ở, cấp đổi GCNQSDĐ, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện có hiệu quả. Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và

¹⁶ Bến cảng CFG Nam Cửa Việt; Kho Xăng dầu Việt Lào; Đường trực chính khu bến cảng Cửa Việt bờ Nam kết nối QL.49C và nâng cấp tuyến đường nối từ đường Trung tâm đến ĐH.41; Đường nối cầu An Mô vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn; Cầu Bến Lội ;Đường Hùng Vương kết nối hành lang kinh tế Đông Tây và Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Công trình: Hệ thống chống úng Thuận - Trạch - Trung - Tài, Ba - Quế - Vĩnh - Dương - Thành, huyện Triệu Phong và Hải Lăng; Đường giao thông kết nối cảng Cửa Việt với các xã phía Đông huyện Triệu Phong - Hải Lăng và khu vực trung tâm Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Hải đội dân quân thường trực và bến cập tàu của Hải đội; Trạm Kiểm soát Biên phòng Phó Hội.

¹⁷ trong đó, có 15,63 tỷ đồng chưa giao để dự phòng đấu giá QSD đất không đạt KH

tái định cư tiếp tục triển khai thực hiện theo đúng quy định¹⁸. Thực hiện đầy đủ quy trình thông báo thu hồi, lập và thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; công khai minh bạch kết quả kiểm kê, phương án, cơ chế, chính sách, đơn giá áp dụng; chủ trương thu hồi đất, quyết định thu hồi đất theo quy định. Triển khai thực hiện công tác thống kê đất đai cấp xã, huyện và hoàn thành lập, công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo đúng quy định. Tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo đúng yêu cầu.

Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, đơn vị có liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường; thực hiện tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng. Kiểm tra, giám sát tình hình thu gom và xử lý rác tại các địa phương trên địa bàn huyện; Chỉ đạo chấn chỉnh hoạt động khai thác, vận chuyển và tập kết cát, sỏi trên địa bàn, đảm bảo theo đúng quy định.

1.8. Hoạt động đối ngoại, tiếp nhận tài trợ, dự án nước ngoài

Trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ công tác đối ngoại trong tình hình mới, xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng. UBND huyện đã thực hiện đón tiếp làm việc theo quy định đối với các đoàn nước ngoài vào thăm và làm việc tại huyện¹⁹. Ngoài ra, tranh thủ sự quan tâm, giúp đỡ của các tổ chức phi Chính phủ, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước với số tiền 18,487 tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn, góp phần thúc đẩy tình hình kinh tế - xã hội của địa phương ngày càng phát triển²⁰.

2. Văn hóa - xã hội

2.1. Văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao

Công tác thông tin tuyên truyền được tập trung thực hiện với nhiều hình thức nhân các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước²¹. Tổ chức gặp mặt các cơ quan thông tấn, báo chí Xuân Nhâm Dần 2022 để thông tin những thành tựu nổi bật sau 50 năm huyện nhà được giải phóng, quảng bá, giới thiệu về mảnh đất và con người Triệu Phong; những tiềm năng, lợi thế của huyện để thu hút đầu tư, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các cấp, các ngành vào phát triển kinh tế, xã hội, chỉnh trang cơ sở hạ tầng đô thị, bộ mặt nông thôn,...

Các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2022 trên địa bàn huyện được Ban Thường vụ Huyện uỷ, Ban Chỉ đạo Lễ 2022 cấp huyện, UBND huyện,

¹⁸ Thu hồi đất và BTHT để GPMB đối với 09 công trình, dự án với tổng diện tích thu hồi khoảng 16 ha

¹⁹ Đoàn chuyên gia GWHF; Đoàn chuyên gia Golden West;

²⁰ Trường MN Triệu Đại được Bộ Tư lệnh Án Độ Dương, Hoa Kỳ tài trợ 8,5 tỷ đồng; Trường TH&THCS Triệu Độ được Quỹ DOVE FUND hỗ trợ 1,132 tỷ đồng; Trường MN xã Triệu Phước được Quỹ DOVE FUND hỗ trợ 1,355 tỷ đồng; Nhà Văn hóa cộng đồng kết hợp tránh bão lũ, khắc phục hậu quả thiên tai tại xã Triệu Long được Ngân hàng KEB Hana Việt Nam hỗ trợ 2,6 tỷ đồng; Xây dựng, nâng cấp cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá 4,9 tỷ đồng.

²¹ "Mừng Đảng - Mừng Xuân" Nhâm Dần- năm 2022; Kỷ niệm 92 năm Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2022); Kỷ niệm 115 năm Ngày sinh Tống Bá Thận Lê Duẩn (7/4/1907-7/4/2022); Kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng huyện Triệu Phong (29/4/1972-29/4/2022); Kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2022); Kỷ niệm 132 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2022); Đại hội TDTT huyện Triệu Phong; Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21/6; 75 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2022); Kỷ niệm 77 năm Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945-19/8/2022), Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945- 02/9/2022), Kỷ niệm 40 năm Ngày nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2022) và nhiều sự kiện quan trọng khác.

Ban Tổ chức Lễ 2022 cấp huyện chỉ đạo sâu sát, kịp thời. Huyện đã gắn việc chỉ đạo tổ chức các hoạt động lễ kỷ niệm với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện nhiệm vụ chính trị của các địa phương, đơn vị và công tác phòng chống, kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn huyện.

Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng huyện Triệu Phong (29/4/1972 - 29/4/2022) và chương trình nghệ thuật đặc biệt “Triệu Phong - Mảnh đất địa linh nhân kiệt” được truyền hình trực tiếp trên sóng Đài PTTH Quảng Trị. Tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm 115 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn (7/4/1907-7/4/2022); Phối hợp tổ chức thành công chương trình nghệ thuật sân khấu thực cảnh đặc biệt “Yêu lẽ phải - Trọng tình thương” tại đình làng Bích La (xã Triệu Thành). Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tim hiểu cuộc đời, thân thế và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn và quê hương Triệu Phong anh hùng, đổi mới, phát triển”.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” trên địa bàn huyện; Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 465 năm Đoan quận công Nguyễn Hoàng dựng nghiệp trên đất Triệu Phong (1558 – 2023) và tưởng niệm 410 năm Ngày mất của Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (20/7/1613 - 20/7/2023); Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử văn hóa giai đoạn 2022 - 2025; Đề xuất UBND tỉnh thực hiện quy hoạch di tích lịch sử “Các địa điểm liên quan đến dinh Chúa Nguyễn xã Triệu Ái, xã Triệu Giang, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong” để có cơ sở bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia gắn với phát triển du lịch.

Phối hợp với Đài PT - TH tỉnh xây dựng và phát sóng 06 số trang truyền hình địa phương “Triệu Phong đổi mới và phát triển” năm 2022; Phối hợp với Báo Quảng Trị xây dựng trang báo “Triệu Phong đổi mới và phát triển”, từ đầu năm đến nay thực hiện 24 số báo. Xây dựng đặc san kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng huyện Triệu Phong.

Các hoạt động thể dục thể thao được đẩy mạnh, tổ chức thành công Đại hội Thể dục Thể thao huyện Triệu Phong lần thứ VIII năm 2021-2022²². Tham gia các môn thi đấu Đại hội TDTT tỉnh đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ. Tổ chức thành công giải đua thuyền truyền thống nhân kỷ niệm 115 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn, chương trình được truyền hình trực tiếp trên sóng Đài PTTH tỉnh; Tham gia Lễ hội đua thuyền truyền thống tỉnh tại Lễ hội “Thông nhất non sông” (Di tích Quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải) nhân kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc đạt giải Nhất toàn đoàn.

²² Đại hội Thể dục Thể thao huyện có trên 1.000 vận động viên tham gia 45 nội dung với 10 môn thi đấu (cờ tướng, đua thuyền, cầu lông, bóng bàn, bi sắt, bóng chuyền, bóng đá nam, kéo co, điền kinh, đẩy gậy)

Tổ chức thành công Giải thưởng mỹ thuật thiếu nhi huyện Triệu Phong năm 2022. Trại nghiên cứu, sáng tác văn hoá, văn nghệ dân gian Triệu Phong và xuất bản cuốn sách “Triệu Phong - mạch nguồn và dòng chảy văn hoá dân gian”. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được nâng cao về chất lượng. Chỉ đạo việc kiểm tra, thẩm định việc xây dựng Thôn văn hóa, khu dân cư văn hóa của 18/18 xã, thị trấn, 92 thôn, khu dân cư, 42 trường học, 20 cơ quan, đơn vị và 01 doanh nghiệp trên địa bàn toàn huyện. Xây dựng Đề án hỗ trợ xây dựng, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở trên địa bàn huyện giai đoạn 2022 - 2026.

Hoạt động thông tin, truyền thông tiếp tục được tăng cường²³. Hoạt động bưu chính, viễn thông được quản lý tốt, đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực; xây dựng Đề án Chuyển đổi số huyện Triệu Phong đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; 100% cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp cấp huyện, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc. Việc quản lý, gửi và nhận văn bản qua mạng được triển khai đồng bộ từ huyện đến cơ sở. Việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong việc phát hành các văn bản đã được tất cả các phòng ban cấp huyện, UBND các xã, thị trấn áp dụng. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phục vụ bạn đọc, đẩy mạnh phong trào đọc sách trên địa bàn. Duy trì dự án nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập internet công cộng.

2.2. Giáo dục - Đào tạo

Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục, tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý dạy và học, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học, nhằm thực hiện những giải pháp đồng bộ nêu chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng đại trà cũng như chất lượng mũi nhọn từng bước được nâng cao.

Năm học 2021-2022, có 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học, 100% học sinh tốt nghiệp THCS; tỷ lệ tốt nghiệp THPT bình quân của các trường THPT trên địa bàn huyện đạt 93,64%²⁴. Tham gia hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt kết quả cao. Hội thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh đạt 73 giải, trong đó: Có 01 giải nhất, 16 giải nhì, 26 giải ba. Tiếp tục duy trì vững chắc PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt PCGD Tiểu học mức độ 3, phổ cập THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

Tổ chức tổng kết năm học 2021-2022 và khai giảng năm học 2022-2023 theo đúng quy định. Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt để chào mừng kỷ niệm 40 năm

²³ Sản xuất 170 chương trình thời sự địa phương với khoảng 1.110 tin, bài; tiếp sóng Đài tỉnh và Đài TW duy trì tiếp âm đài TW và đài tỉnh mỗi ngày 3 buổi với thời lượng 180 giờ mỗi tháng, phát 170 chương trình thời sự địa phương; cộng tác với Đài PT-TH tỉnh sản xuất khoảng 450 tin, phóng sự phát trên sóng phát thanh của Đài PT-TH tỉnh; 180 tin bài đăng trên Báo Quảng Trị; hàng trăm tin, bài đăng trên trang Website của huyện;

²⁴ THPT Chu Văn An: 97,4%; THPT Vĩnh Định: 93,31%; THPT Triệu Phong: 98,08%, THPT Nguyễn Hữu Thận: 85,8%.

Ngày nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2022). Tổ chức thành công Cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc cấp huyện. Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp huyện năm học 2021-2022 có 16 đề tài của 12 trường tham gia. Triển khai tốt phong trào đọc sách với 120 thư viện lớp học do Dự án DOVE FUND tài trợ cho khối 3,4,5 toàn huyện.

Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng tiếp tục được thực hiện, đến nay, toàn huyện có 30/42 đơn vị được công nhận đạt kiểm định chất lượng và trường đạt chuẩn quốc gia²⁵.

Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ được chú trọng triển khai thực hiện. Năm 2022, Hội khuyến học huyện đã huy động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân để trao học bổng và phát thưởng cho hơn 1.100 học sinh, sinh viên với số tiền hơn 2,1 tỷ đồng và vinh danh 50 gia đình cử nhân

2.3. Y tế - Dân số KHHGĐ

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của nhân dân được chú trọng; mạng lưới y tế tuyến huyện, xã ngày càng hoàn thiện, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định; đội ngũ cán bộ được đào tạo nâng cao chất lượng²⁶. Công tác khám, chữa bệnh được duy trì tốt và có chất lượng, thực hiện tốt việc khám, theo dõi, điều trị kịp thời cho các bệnh nhân²⁷. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 98%. Công tác tiêm phòng vắc xin được triển khai hiệu quả. Hoạt động duy trì, nâng cao chất lượng Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã tiếp tục thực hiện có hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, đảm bảo ATTP trong dịp Tết Nguyên đán năm 2022, tháng hành động vì ATTP²⁸.

UBND huyện đã chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn theo chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan cấp trên. Tổ chức tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho các đối tượng trên địa bàn huyện theo đúng yêu cầu, tỷ lệ tiêm từ 18 tuổi trở lên đạt: 99,39%; Tỷ lệ tiêm từ 12 đến dưới 18 tuổi: 99,23%; Tỷ lệ tiêm từ 5 đến dưới 12 tuổi: 45,55%.

Đối với phòng, chống bệnh Sốt xuất huyết, UBND huyện đã chỉ đạo Ngành Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai hiệu quả các biện pháp phòng chống SXH theo quy định. Đến nay, toàn huyện ghi nhận 303 bệnh nhân mắc bệnh sốt xuất huyết.

Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về dân số-KHHGĐ được đẩy mạnh²⁹. Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm túc các chính sách về dân số. Phát động đợt cao điểm tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng Chiến dịch CSSKSS/KHHGĐ năm 2022. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số, mô hình làng không có người sinh con thứ 3 trở lên tiếp tục duy trì và nhân rộng.

²⁵ MN: 15 đơn vị ; TH: 06 đơn vị; TH&THCS: 07 đơn vị; THCS: 02 đơn vị.

²⁶Đội ngũ ngành Y tế hiện nay có 286 cán bộ, trong đó: Bác sĩ CKI, II: 18; Bác sĩ: 32;

²⁷ Tuyên huyện: Tổng số lần khám bệnh: 55.674 lần, đạt 83,1% KH, tổng số ngày điều trị nội trú: 33.987 ngày, đạt 70% KH; Tuyên xã: Tổng số lần khám bệnh: 37.885 lần, đạt 66,9% KH;

²⁸Đã thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra 747 cơ sở thực phẩm, số cơ sở đạt 711 cơ sở.

²⁹Tư vấn trực tiếp, tư vấn tại hộ gia đình, tổ chức các đợt phát sóng tại các điểm dân cư, cấp phát các sản phẩm truyền thông...

2.4. Công tác chính sách an sinh xã hội, lao động việc làm, dạy nghề, giảm nghèo bền vững và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Công tác quản lý thực hiện chế độ chính sách đối với người có công cách mạng được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật, không để tình trạng hồ sơ người có công, người hưởng BTXH tồn đọng³⁰. Thực hiện tốt việc huy động quỹ “Vì người nghèo”, quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” góp phần giảm thiểu khó khăn, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Tổ chức các hoạt động ý nghĩa, thiết thực để tri ân các anh hùng liệt sỹ, người có công nhân kỷ niệm 75 năm Ngày TBLS (27/7/1947-27/7/2022) như: Thăm và tặng quà cho người có công; xây dựng, sửa chữa nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách, người có công trên địa bàn; chăm sóc, chỉnh trang các công trình ghi công Liệt sỹ, tổ chức viếng, thắp nến tri ân các anh hùng Liệt sỹ và nhiều hoạt động đền ơn đáp nghĩa thiết thực khác đã được các cấp, ban, ngành, đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện³¹.

Công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm. Triển khai hướng dẫn UBND các xã, thị trấn về việc thực hiện các chính sách giảm nghèo năm 2022. Cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện chiếm 4,05%, tỷ lệ giảm nghèo là 01%. Tiếp tục chỉ đạo rà soát, cấp thẻ BHYT cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo. Xây dựng kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện theo đúng quy định.

Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em được chú trọng thực hiện. Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 20/CT/TW của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác trẻ em trong tình hình mới”; phối hợp trao học bổng do tổ chức Zhishan, Quỹ bảo trợ trẻ em và Tổ chức VNED tài trợ năm 2022 trên địa bàn; triển khai dự án bơi an toàn phòng chống đuối nước cho trẻ em do tổ chức nhân đạo GOLDEN WEST tài trợ.

Công tác dạy nghề, giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện, đã tổ chức 15 lớp dạy nghề với 434 học viên tham gia. Triển khai Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 25/01/2022 về triển khai công tác tuyên truyền, tư vấn, tuyển chọn việc làm trong nước và đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng. Năm 2022, giải quyết việc làm cho 3.409 người đạt 184,3% KH, trong đó: làm việc tại địa phương 863 người, làm việc trong tỉnh 1.069 người, làm việc ngoại tỉnh 1.004 người, xuất khẩu lao động 488 người đạt 244% KH, chủ yếu làm việc tại thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc.

³⁰ Thực hiện chi trả trợ cấp cho người có công, bảo trợ xã hội theo đúng quy định, đã thực hiện chi trả cho 10.979 người có công, đối tượng bảo trợ xã hội; Trao quà cho các đối tượng Tết Nhâm Dần: Quà của Chủ tịch nước: 4.852 người, số tiền 1.474 triệu đồng, quà Tinh cho Bà mẹ VNAH từ trần: 575 suất, số tiền 117 triệu đồng; Huyện tổ chức thăm hỏi, chúc Tết đối tượng người có công với cách mạng, các gia đình chính sách: 54 người, số tiền 29 triệu đồng; Tổ chức trao quà từ Báo Quảng Trị: 228 suất, số tiền 136 triệu đồng; quà từ Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam: 20 suất, số tiền 20 triệu đồng. Ngoài ra, các nhà hảo tâm, các đơn vị tổ chức thăm tặng quà cho đối tượng chính sách người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ gia đình khó khăn tại các xã, thị trấn 1.278 suất, số tiền: 439 triệu đồng; Quà nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng huyện Triệu Phong: 4.832 đối tượng, tổng kinh phí 966.400.000 đồng;

³¹ Đã tổ chức thăm và tặng 3.258 suất quà với giá trị trên 1,3 tỷ đồng; hỗ trợ kinh phí sửa chữa, xây dựng 18 nhà cho người có công, thân nhân người có công với kinh phí 685 triệu đồng.

3. Công tác nội chính

3.1. Công tác tổ chức cán bộ, chính quyền cơ sở

Công tác tổ chức cán bộ, xây dựng chính quyền cơ sở, hoạt động của các phòng ban, UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện nghiêm túc³². Thực hiện tốt việc giao biên chế các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp; việc điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, bố trí cán bộ công chức, viên chức được thực hiện theo đúng quy định; giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách cho cán bộ công chức, viên chức và người lao động.

Tiếp tục thực hiện Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ³³. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh. Triển khai hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022; kế hoạch duy trì và củng cố chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) huyện Triệu Phong năm 2022. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC để cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Công tác địa giới hành chính được quan tâm, giải quyết công tác địa giới hành chính giữa các xã trên địa bàn huyện; rà soát bản đồ địa giới hành chính của các xã, thị trấn theo Dự án 513. Công tác thi đua khen thưởng từng bước được nâng lên, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Tiếp tục triển khai Kế hoạch nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát động phong trào thi đua yêu nước lập thành tích chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2022.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được thực hiện tốt. Tổ chức thăm hỏi chúc sắc, tổ chức tôn giáo trên địa bàn nhân các dịp lễ, Tết; Phối hợp, hỗ trợ tổ chức thành công Đại hội Phật giáo tỉnh Quảng Trị lần thứ VII, nhiệm kỳ 2022-2027 tại Tổ đình Sắc tứ Tịnh Quang; Hội nghị Huynh trưởng Phân ban Gia đình Phật tử tỉnh Quảng Trị lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2022-2027; hướng dẫn tổ chức Lễ Phật đản và An cư kết hạ; kỳ hành hương thường niên La Vang năm 2022.

3.2. Công tác Tư pháp

Công tác quản lý nhà nước về phò biển, giáo dục pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh³⁴. Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, chứng thực được thực hiện một

³² Xếp loại người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và tổ chức hội cấp huyện, cán bộ quản lý các trường học năm học 2021-2022; phân loại chính quyền cơ sở năm 2021; cho ý kiến rà soát quy hoạch cán bộ quản lý các cơ quan cấp huyện giai đoạn 2021-2025 và quy hoạch giai đoạn 2026-2031; phê duyệt quy hoạch cán bộ quản lý các trường học giai đoạn 2021-2026; Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án tinh giản biên chế sự nghiệp huyện giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch kiểm tra, rà soát chính sách tiền lương của công chức, viên chức; giao biên chế các cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp huyện năm 2022; quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức Địa chính - Xây dựng và Kế toán - Tài chính năm 2022; kiện toàn một số Ban chỉ đạo do thay đổi chức vụ, vị trí công tác.

³³ Tinh giản biên chế theo Nghị định 108/NĐ-CP đối với 14 trường hợp.

³⁴ Tổ chức 03 hội nghị về tuyên truyền văn bản Luật sửa đổi, bổ sung Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Luật Phòng, chống ma túy và Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Biên phòng

cách kịp thời, chính xác, đảm bảo theo quy định của pháp luật. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá VBQPPL được thực hiện thường xuyên, giúp cho hoạt động xây dựng, ban hành văn bản được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục quy định của pháp luật. Công tác hòa giải ở cơ sở tiếp tục được quan tâm, tiếp tục triển khai thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở, kiện toàn đội ngũ hòa giải viên theo quy định³⁵.

3.3. Công tác Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thực hiện tốt công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu tố, khiếu nại; UBND huyện đã tiếp 46 lượt (47 người) đến phản ánh, kiến nghị, đã tiếp nhận 177 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, quá trình tiếp nhận, xử lý và giải quyết đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục luật định, không để xảy ra khiếu kiện đông người.

Công tác thanh tra KT-XH tiếp tục được đẩy mạnh, đã chỉ đạo Thanh tra huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện 02 cuộc thanh tra³⁶, đến nay, đoàn thanh tra liên ngành đang tiến hành thanh tra theo kế hoạch. Kết quả thanh tra, kiểm tra đã chỉ ra những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý; đồng thời kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị đối với nội dung được thanh tra, kiểm tra.

Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm có nhiều chuyển biến tích cực. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với nhiều hình thức đa dạng, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng đất, mua sắm tài sản công, trong hoạt động tài chính, ngân sách nhà nước.

4. Công tác quốc phòng - an ninh

4.1. Công tác quốc phòng-QSDP

Tổ chức quán triệt, duy trì và thực hiện nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực chỉ huy, trực ban, trực phòng không theo kế hoạch; phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình địa bàn, không để bị động, bất ngờ xảy ra. Tổ chức triển khai tốt các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ QP-AN năm 2022, diễn tập chiến đấu xã trong khu vực phòng thủ năm 2022. Làm tốt công tác tuyển quân và giao nhận quân năm 2022, tổ chức thành công Lễ giao nhận quân năm 2022 đảm bảo số lượng, chất lượng. Hướng dẫn công tác tuyển sinh, hoàn chỉnh thủ tục đăng ký tuyển sinh vào các trường cao đẳng, đại học trong quân đội năm 2022. Tham gia tập huấn cán bộ năm 2022 tại Bộ CHQS tỉnh và tổ chức tập huấn cho cơ sở năm 2022 theo kế hoạch. Tham gia Hội thi sáng kiến,

Việt Nam, Nghị định 106/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Biên phòng Việt Nam.

³⁵ UBND các xã, thị trấn đã đưa ra hòa giải 95 vụ, hòa giải thành đạt 68 vụ, đạt tỷ lệ 71,5%.

³⁶ Thực hiện thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất và công tác thu, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính đối với UBND xã Triệu Thành;công tác thu, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính tại Trường Tiểu học Thị trấn Ái Tử.

cải tiến MHHC vật chất huấn luyện các cấp. Tổ chức gặp mặt LLVT chiến đấu trên địa bàn nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng huyện Triệu Phong. Xây dựng kế hoạch và triển khai phong trào thi đua “LLVT huyện chung sức xây dựng nông thôn mới”.

4.2. Công tác đảm bảo ANCT - TTATXH

Chủ động nắm tình hình, triển khai các biện pháp công tác bảo đảm giữ vững tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện. Thực hiện đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, bảo đảm ANTT nhân dịp Kỷ niệm 115 năm ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn; Kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng huyện Triệu Phong và các ngày lễ lớn trên địa bàn. Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tiếp tục ổn định, phạm pháp hình sự được kiềm chế triệt để³⁷. Triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ nhằm phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm và tệ nạn ma túy³⁸. Tăng cường kiểm tra hoạt động buôn bán hàng cấm, hàng giả, chống gian lận thương mại³⁹. Thường xuyên kiểm tra, xử lý việc tập kết, kinh doanh cát trái phép tại các bến bãi, nhằm đấu tranh triệt để với hoạt động khai thác, kinh doanh cát trái phép⁴⁰. Đấu tranh có hiệu quả với tội phạm công nghệ cao⁴¹. Tình hình trật tự an toàn giao thông được quan tâm chỉ đạo, tuy nhiên tai nạn giao thông tăng so với cùng kỳ năm trước đã xảy ra 14 vụ, làm 06 người chết, 12 người bị thương (tăng 03 vụ, giảm 01 người chết, tăng 02 người bị thương).

B. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của huyện năm 2022 vẫn còn một số khó khăn, hạn chế đó là:

- Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn có 01 chỉ tiêu phát triển kinh tế chưa đạt kế hoạch, một số chỉ tiêu đạt nhưng ở mức tối thiểu.
- Tiến độ thi công các công trình, giải ngân nguồn vốn đầu tư công còn chậm, nhất là các công trình thuộc chương trình MTQG. Đầu giá quyền sử dụng đất chưa đạt kế hoạch đề ra; công tác giải phóng mặt bằng một số công trình chưa đảm bảo tiến độ.
- Công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản còn nhiều bất cập, vướng mắc; một số vụ việc tồn tại kéo dài vẫn chưa giải quyết dứt điểm.

³⁷ Đã điều tra làm rõ 20 vụ - 46 đối tượng, tỷ lệ điều tra khám phá án đạt 76.92%. Phát hiện, xử lý hành chính 64 vụ - 203 đối tượng vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, phạt tiền 308.050.000 đồng.

³⁸ đã phát hiện, khởi tố 10 vụ - 14 bị can về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ 688 viên ma túy tổng hợp. Phát hiện, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 14 vụ - 16 đối tượng, phạt tiền 17.250.000 đồng. Rà soát, lập danh sách các đối tượng nghiện, nghi nghiện ma tuý trên địa bàn, lập hồ sơ đưa 09 đối tượng vào diện giáo dục tại xã, thị trấn, 06 đối tượng vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

³⁹ Phát hiện, khởi tố 03 vụ - 03 đối tượng tàng trữ hàng cấm; ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 18 vụ - 18 đối tượng vận chuyển, mua bán hàng cấm, hàng hóa nhập lậu.

⁴⁰ Phát hiện, xử lý 65 vụ - 65 đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường, phạt tiền 133.110.000 đồng, tịch thu 553m³ cát, chuyên Phòng PC05 xử lý 03 vụ - 03 đối tượng.

⁴¹ phát hiện, khởi tố 01 vụ - 01 bị can về hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, với tổng số tiền là 53.000.000 đồng.

- An ninh trật tự còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; tai nạn giao thông có chiều hướng tăng.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Sự tác động của thiên tai, dịch bệnh, giá nguyên, nhiên, vật liệu, cước, phí vận chuyển hàng hóa tăng cao,... đã tác động bất lợi đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển cho các ngành, lĩnh vực.

- Các cơ chế, chủ trương, chính sách, hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG của Trung ương chậm được ban hành; nguồn vốn thực hiện chậm được bố trí; nhiều quy định chưa rõ ràng nên các địa phương rất lúng túng trong quá trình thực hiện.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND huyện một số lĩnh vực chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quyết liệt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; công tác giải phóng mặt bằng, triển khai các dự án đầu tư chưa đảm bảo tiến độ.

Phần thứ hai KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2023

A. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2023

I. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và các dịch bệnh mới phát sinh. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh; Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng bộ máy liêm chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đưa huyện nhà về đích NTM trong năm 2023.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

1. Tổng giá trị sản xuất các ngành tăng 13-14%;
2. Giá trị Nông - lâm - thủy sản tăng 5-6% (Nông nghiệp tăng 7-8% ,ngư nghiệp tăng 4-5%, lâm nghiệp tăng 0,2%);
3. Giá trị Công nghiệp - Xây dựng tăng 16-17% (Trong đó: Công nghiệp - TTCN tăng 17,5-18,5%; xây dựng tăng 15-16%);
4. Giá trị Thương mại - Dịch vụ tăng 15-16%;
5. Thu nhập bình quân đầu người đạt 68-70 triệu đồng;
6. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 2.353 tỷ đồng;
7. Tổng thu ngân sách nhà nước 494 tỷ đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 96 tỷ đồng; trong đó: Thu tiền sử dụng đất 40 tỷ đồng;
8. Hoàn thành các tiêu chí Huyện đạt chuẩn nông thôn mới;
9. Phấn đấu tăng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 35/42 trường;
10. Giảm Tỷ suất sinh dưới 9,0‰; tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên trên 0,5‰; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên dưới 17%;
11. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi theo cân nặng dưới 6,4%;
12. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên 98%;
13. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 63,2%; trong đó: Lao động qua đào tạo nghề 50,6%;
14. Tạo việc làm mới cho 1.900 lao động; trong đó: Xuất khẩu lao động nước ngoài 200 người;
15. Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 0,5-01%;
16. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 42%;
17. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh 100%; trong đó: Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch 64%;
18. Chỉ tiêu giao quân đạt 100% KH.

B. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

1.1. Về nông, lâm, thủy sản

- *Về trồng trọt:* Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Tăng cường phô biến, chuyển giao các tiến bộ KHKT mới, quy trình sản xuất bền vững. Thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm duy trì và mở rộng các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực; trong đó, chú trọng phát triển các sản phẩm nông sản chủ lực ứng dụng quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Thực hiện chuyển đổi theo hướng cơ cấu giống lúa ngắn ngày, năng suất, trong đó lúa chất lượng cao chiếm trên 81% diện tích.

- *Về chăn nuôi:* Tiếp tục duy trì và phát triển đàn trâu, phát triển chăn nuôi bò theo hướng thâm canh; đồng thời thúc đẩy phát triển các mô hình nuôi bò chuyên thịt thâm canh từ tinh bò ngoại như BBB, Droughmaster, Charolais,... Tập trung công tác tái đàn, phục hồi đàn lợn; khuyến khích đầu tư các mô hình nuôi lợn công nghệ cao, liên kết gắn tiêu thụ sản phẩm, mô hình nuôi lợn theo hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên. Chăn nuôi gia cầm cần phát triển mô hình chăn nuôi trang trại ứng dụng công nghệ cao, hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên nhằm tạo ra các sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

- *Về lâm nghiệp:* Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng. Triển khai sớm kế hoạch trồng rừng sản xuất và rừng phòng hộ. Phát triển mạnh mô hình trồng cây gỗ lớn, rừng chuyển hóa, mở rộng diện tích rừng đăng ký FSC, VFCS. Hỗ trợ kinh phí, khuyến khích những nơi có điều kiện chuyển đổi đất rừng sang trồng các cây ăn quả, cây dược liệu, giám sát việc khai thác rừng trồng theo quy định của pháp luật, nâng cao hiệu quả kinh tế rừng.

- *Về ngư nghiệp:*

+ Đối với thủy sản nước mặn - lợ: Tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án ương, nuôi tôm 2, 3 giai đoạn ở vùng bãi ngang, ven sông, áp dụng quy trình nuôi tôm bằng chế phẩm sinh học, men vi sinh, hạn chế sử dụng kháng sinh,... nhằm tiến đến xây dựng vùng nuôi tôm bền vững, tôm nguyên liệu sạch. Phát triển nuôi các loài cá nước mặn, lợ có giá trị kinh tế cao (cá mú, cá bớp, cá dìa, cá kình, cá chim,...) tại vùng nuôi bãi ngang ven biển và vùng ven sông. Khuyến khích nuôi kết hợp cá và tôm hoặc cua tại các vùng nuôi tôm ven sông thường xuyên bị dịch bệnh, hiệu quả thấp.

+ Đối với vùng nuôi cửa lạch: Đưa các giống thủy sản có giá trị cao vào nuôi, tích cực chỉ đạo hoán đổi diện tích, xây dựng và bố trí hệ thống ao hồ nuôi hợp lý. Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi như: hệ thống điện sản xuất, đường giao thông, hệ thống kênh cấp, kênh thoát, hệ thống ao xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường bên ngoài nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao năng suất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường,...

+ Đối với thủy sản nước ngọt: Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ bản hệ thống ao hồ, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Bên cạnh nuôi các đối tượng cá truyền thống, cần phát triển đa dạng thêm các đối tượng nuôi khác, ưu tiên các đối tượng có giá trị kinh tế cao như cá leo, tôm càng xanh...Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh hình thức nuôi thâm canh nhằm tăng năng suất, sản lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

+ Đối với khai thác thủy, hải sản: Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và hướng tới phát triển thuỷ sản biển bền vững, hiệu quả; hài hòa với các quy định về kiểm soát thuỷ sản theo thông lệ quốc tế. Tích cực vận động, khuyến khích

ngư dân tăng cường ra khơi bám biển, mạnh dạn đầu tư nâng cấp cải hoán toàn thuyền, đầu tư ngư lưới cụ vươn ra ngư trường xa bờ. Khai thác gắn với bảo vệ môi trường và phát triển nguồn lợi thuỷ sản. Nghiêm cấm việc sử dụng các phương tiện khai thác, mắm lưới, nghề khai thác mang tính huỷ diệt.

- *Về kinh tế HTX:* Thực hiện chuyển đổi mạnh mẽ hoạt động của các HTX, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích phát triển các dịch vụ mang tính thương mại như: tín dụng nội bộ, liên kết tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ vật tư nông nghiệp,... nhằm nâng cao chất lượng hỗ trợ kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển.

1.2. Về Công nghiệp - TTCN, Thương mại - DV

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, Đề án của UBND huyện về thu hút đầu tư, hỗ trợ, phát triển Công nghiệp - TTCN, Thương mại - Dịch vụ trên địa bàn. Tăng cường kiểm tra hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện; kêu gọi các dự án đầu tư; phối hợp hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai đầu tư tại Khu Kinh tế Đông Nam của tỉnh. Lập quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Tây Triệu Phong.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các chợ, các điểm kinh doanh thương mại, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, các cơ sở kinh doanh thương mại - dịch vụ. Thực hiện các giải pháp về thị trường tiêu thụ nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn mở rộng thị trường tiêu thụ. Tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư triển khai xây dựng chợ Triệu Thuận, xây dựng chợ Bồ Bản ở vị trí mới; xúc tiến đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu, các điểm kinh doanh thương mại, dịch vụ, các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh. Xây dựng nhãn hiệu tập thể, cá nhân cho các sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp nông thôn tiêu biểu của huyện. Triển khai các hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

2. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện quy hoạch, các dự án trọng điểm. Tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường công tác chỉ đạo quản lý thu ngân sách, công tác chống thất thu, phấn đấu tăng thu. Đẩy nhanh triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất, đảm bảo tiến độ đề ra. Thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng, chống tham nhũng và căn cứ các chế độ chi tiêu ngân sách hiện hành để chấp hành dự toán ngân sách năm 2023 đảm bảo tiết kiệm, nâng cao hiệu quả chi ngân sách.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Huyện ủy, Đề án của UBND huyện về huy động hiệu quả các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế

hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát trong đầu tư xây dựng cơ bản, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm gây thất thoát, lãng phí nguồn vốn của nhà nước trong công tác đầu tư XDCB, nắm bắt tiến độ thực hiện của từng dự án nhằm đôn đốc các chủ đầu tư giải ngân nguồn vốn theo kế hoạch đề ra. Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng xây dựng công trình trọng điểm trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2040, định hướng đến năm 2050; Lập Quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Tây Triệu Phong; Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Triệu Giang, Triệu Độ, Triệu Phước, Triệu Thuận; Quy hoạch chung xây dựng các xã giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Huyện ủy, Đề án, Kế hoạch của UBND huyện về xây dựng huyện Triệu Phong đạt chuẩn NTM trước năm 2025. Tập trung huy động tiềm lực của nhân dân, tranh thủ nguồn vốn đầu tư của ngân sách, các dự án, doanh nghiệp, các tổ chức khác, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng chương trình MTQG nông thôn mới trên địa bàn. Chỉ đạo các địa phương đã đạt chuẩn thực hiện tốt công tác duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, phát động các địa phương xây dựng khu dân cư kiểu mẫu.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án vào địa bàn. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các nhà đầu tư tổ chức triển khai thực hiện các dự án đúng tiến độ. Tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp về cải thiện và nâng cao chỉ số PCI và chỉ số năng lực cạnh tranh.

4. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, giáo dục đào tạo; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Sắp xếp hợp lý mạng lưới trường lớp trên địa bàn. Củng cố, nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Đẩy mạnh xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tổ chức tốt Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt kết quả cao.

Tích cực triển khai thực hiện và chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và đội ngũ giáo viên, CBQL đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong GDPT; tiếp tục đổi mới công tác quản trị, tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục. Xây dựng

xã hội học tập; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ, kỷ cương; tăng cường an ninh, an toàn trường học. Tiếp tục thực hiện tốt việc đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và phương thức thi, kiểm tra, đánh giá. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển tài sản trí tuệ. Thực hiện tốt kế hoạch thực hiện Đề án chuyển đổi số huyện Triệu Phong đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung thực hiện Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/08/2019 về Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025.

5. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 9 (khóa XI) về "Phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước". Đẩy mạnh phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa cơ sở, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước năm 2023. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 465 năm Đoàn quận công Nguyễn Hoàng dựng nghiệp trên đất Triệu Phong (1558 - 2023) và tưởng niệm 410 năm Ngày mất của Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (20/7/1613 - 20/7/2023); 100 năm Ngày sinh Đại tướng Đoàn Khuê (29/10/1923 - 29/10/2023), Nguyên Uỷ viên Bộ Chính trị, Nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Tổ chức tốt các giải thể thao trên địa bàn huyện. Chú trọng công tác đào tạo, tuyển chọn, quản lý vận động viên thể thao thành tích cao. Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ, kêu gọi xã hội hóa khai thác có hiệu quả các thiết chế thể thao.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 15/3/2022 “Thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh “Triển khai thực hiện Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị về đầu tư bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025” năm 2023. Xây dựng Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia “Các địa điểm liên quan đến dinh Chúa Nguyễn (1558 - 1626)”, xã Triệu Ái, xã Triệu Giang, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị

Tập trung đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của BCH TW Đảng khóa XII về “*Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*”. Làm tốt công tác y tế dự phòng, phòng, chống dịch bệnh. Phấn đấu trên 98% dân số tham gia BHYT. Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn thực phẩm, tiếp tục triển khai chương trình phòng chống một số bệnh không lây nhiễm, phòng chống tai nạn thương tích. Huy động các nguồn lực xã hội hóa để tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, quan tâm đầu tư xây dựng các trạm y tế có cơ sở đã hư hỏng, xuống cấp.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các hoạt động truyền thông giáo dục, nâng cao chất lượng dân số, công tác CSSKSS/KHHGĐ, công tác tư vấn thanh niên, vị thành niên. Tiếp tục nâng cao nhận thức và đẩy mạnh quá trình chuyển đổi hành vi trong nhân dân trong việc tự nguyện thực hiện CSSKSS/KHHGĐ, đặc biệt là vùng khó khăn, vùng có mức sinh cao.

Tập trung thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng. Tập trung giải quyết các hồ sơ chính sách phấn đấu giải quyết 100% hồ sơ người có công đủ điều kiện, không để tồn đọng; 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Duy trì phong trào đèn ơm đáp nghĩa; vận động quỹ “Đèn ơm đáp nghĩa” đạt kế hoạch hàng năm. Quan tâm cải thiện nhà ở và một số chính sách hỗ trợ cho người có công, người nghèo. Thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 0,5 - 01% trở lên. Thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội, cứu trợ đột xuất bảo đảm an sinh xã hội.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đẩy mạnh phòng chống tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy, mại dâm, phòng chống xâm hại trẻ em, bạo lực gia đình góp phần bảo đảm trật tự xã hội bảo đảm sự an toàn cho trẻ em và phụ nữ.

6. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường. Thực hiện Kế hoạch sử dụng đất đai năm 2023, kiểm kê đất đai năm 2022 theo đúng quy định. Tiếp tục thẩm định hồ sơ đất đai và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để xây dựng các công trình theo thẩm quyền. Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, xử lý các trường hợp gây ô nhiễm môi trường. Tiến hành kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật đất đai về môi trường, khoáng sản trên địa bàn huyện.

Chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Nâng cao chất lượng công tác cảnh báo, thông tin liên lạc đảm bảo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, ứng phó thiên tai, sự cố; Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học phục vụ công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

7. Đẩy mạnh công tác xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, tư pháp, thanh tra, phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện, Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Tăng cường công tác kiểm tra giờ giấc làm việc nhằm chấn chỉnh kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm của CB,CC,VC. Tổ chức đánh giá, phân loại cán bộ công chức, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng năm học 2022-2023, đánh giá cơ quan, phân loại chính quyền năm 2022. Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về tôn giáo; thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng đảm bảo đúng quy định.

Tiếp tục triển khai, thực hiện nâng cao chất lượng công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo thẩm định 100% các dự thảo QPPL theo đúng quy định. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý. Thực hiện có hiệu quả mô hình sinh hoạt Ngày pháp luật.

Đẩy mạnh việc thực hiện công tác thanh tra kinh tế- xã hội, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn việc chấp hành Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm, đúng trình tự, thủ tục các vụ việc khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện, không để đơn thư tồn đọng kéo dài, hạn chế đơn thư vượt cấp. Chủ động thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

8. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh

Quán triệt và thực hiện đường lối chiến lược Quốc phòng của Đảng trong tình hình mới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, chủ động đấu tranh khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, lợi ích quốc gia,... làm thất bại âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch. Duy trì nghiêm túc chế độ trực SSCĐ, bảo vệ an toàn các ngày lễ Tết, các sự kiện chính trị của quê hương đất nước. Xây dựng thế trận lòng dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Tổ chức tuyển quân năm 2023 đảm bảo chỉ tiêu, chất lượng. Tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2023.

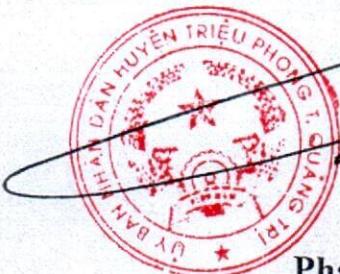
Chủ động nắm chắc tình hình, triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo giữ vững ổn định về an ninh chính trị. Tích cực giải quyết hiệu quả những vấn đề phức tạp phát sinh ở cơ sở, không để hình thành các "điểm nóng" về an ninh trật tự, đảm bảo an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn. Đẩy mạnh đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, tăng cường đấu tranh phòng, chống các hoạt động kinh doanh, vận chuyển hàng cấm, hàng hóa nhập lậu, chống gian lận thương mại. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, tuyên truyền pháp luật về trật tự an toàn giao thông, phấn đấu giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí. Đẩy mạnh phong trào Toàn xã BVANTQ, xây dựng các mô hình điển hình tiên tiến để phổ biến nhân rộng, tạo sự chuyển biến tích cực về ANTT tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị.

Trên đây là Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 của huyện Triệu Phong./.2

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư; | (B/c)
- TVHU; TTHĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMT TQVN huyện;
- Cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- CPVP, CV;
- Lưu: VTUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Văn Linh

[Handwritten signature of Phan Văn Linh]

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 409/BC-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện Triệu Phong)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	Năm 2022		KH2023	So sánh %		
				KH2022	U'TH 2022		U'TH 2022/ TH 2021	U'TH2022/ KH2022	KH2023/ U'TH2022
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/6
	Tổng giá trị SX(GO) các ngành chủ yếu (GSS2010)	Tỷ đồng	5.690,051	6.443,994	6.435,314	7.323,274	113,1	99,9	113,8
+ Nông - Lâm - Ngư nghiệp	"	1.278,600	1.335,000	1.266,400	1.337,400	99,0	94,9	105,6	
Trong đó : Nông nghiệp	"	878,200	905,300	847,300	907,000	96,5	93,6	107,0	
Ngư nghiệp	"	263,600	283,500	272,600	283,600	103,4	96,2	104,0	
Lâm nghiệp	"	136,800	146,200	146,500	146,800	107,1	100,2	100,2	
+ Công nghiệp - Xây dựng		2.154,502	2.501,546	2.559,167	2.970,522	118,8	102,3	116,1	
Trong đó: CN-TTCN	"	878,023	1.029,925	1.035,924	1.218,579	118,0	100,6	117,6	
XDCB	"	1.276,479	1.471,621	1.523,243	1.751,943	119,3	103,5	115,0	
+ Thương mại - dịch vụ	"	2.256,949	2.607,448	2.609,747	3.015,352	115,6	100,1	115,5	
A Nông nghiệp									
I Giá trị sản lượng nông nghiệp (GSS2010)	Tỷ đồng	878,200	905,300	847,300	907,000	96,5	93,6	107,0	
1 - Trồng trọt	"	586,300	598,500	543,500	598,800	92,7	90,8	110,2	
2 - Chăn nuôi	"	224,800	236,600	234,900	237,800	104,5	99,3	101,2	
3 - Dịch vụ nông nghiệp	"	67,100	70,200	68,900	70,400	102,7	98,1	102,2	
1.1 Trồng trọt									
1.1.1 Diện tích cây hàng năm	ha	16.059,0	16.134,0	16.134,4	16.129,0	100,5	100,0	100,0	
Trong đó:									
a) Cây lương thực	ha	11.859,8	11.873,0	11.841,9	11.864,0	99,8	99,7	100,2	
Lúa	ha	11.524,7	11.520,0	11.506,8	11.506,0	99,8	99,9	100,0	
Ngô	ha	334,1	350,0	334,1	355,0	100,0	95,5	106,3	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	Năm 2022		KH2023	So sánh %		
				KH2022	U'TH 2022		U'TH 2022/ TH 2021	U'TH2022/ KH2022	KH2023/ U'TH2022
	Lúa	tạ/ha	58,9	59,0	52,3	59,0	88,8	88,6	112,8
	Ngô	tạ/ha	50,5	51,0	49,5	51,0	98,0	97,1	103,0
	Khoai lang	tạ/ha	82,9	83,0	81,5	83,0	98,3	98,2	101,8
	Sắn	tạ/ha	120,0	130,0	120,2	130,0	100,2	92,5	108,2
	Khoai khác	tạ/ha	64,0	65,0	64,0	65,5	100,0	98,5	102,3
	Lạc	tạ/ha	19,3	19,5	13,3	20,0	68,9	68,2	150,4
	Ót	tạ/ha	54,7	54,0	51,4	54,0	94,0	95,2	105,1
	Rau các loại	tạ/ha	94,8	95,0	95,1	95,0	100,3	100,1	99,9
	Đậu các loại	tạ/ha	9,0	9,0	8,0	9,0	88,9	88,9	112,5
	Vừng	tạ/ha	4,5	4,6	4,5	4,6	100,0	97,8	102,2
1.1.4	Sản lượng cây trồng								
	Sản lượng lương thực cây có hạt	tấn	69.383,1	69.775,5	61.834,4	69.695,9	89,1	88,6	112,7
	Thóc	tấn	67.695,9	67.968,0	60.180,6	67.885,4	88,9	88,5	112,8
	Ngô	tấn	1.687,2	1.807,5	1.653,8	1.810,5	98,0	91,5	109,5
	Khoai lang	tấn	3.276,2	4.845,0	3.556,7	3.403,0	108,6	73,4	95,7
	Sắn	tấn	8.520	9.438	7.813	8.580	91,7	82,8	109,8
	Lạc	tấn	588,1	629,0	411,9	632,0	70,0	65,5	153,4
	Ót	tấn	1.114	988	933	1.080	83,7	94,4	115,8
	Đậu các loại	tấn	294	520	325	360	110,3	62,4	110,9
	Rau các loại	tấn	19.542	16.487,6	19.911	19.475,0	101,9	120,8	97,8
1.2	Chăn nuôi	con	42.886	45.880	43.850	46.080	102,2	95,6	105,1
1.2.1	Đàn trâu	con	1.236	1.380	1.250	1.280	101,1	90,6	102,4
1.2.2	Đàn bò	con	7.850	8.700	7.900	8.100	100,6	90,8	102,5
	Trong đó: Tỷ lệ Zê bu	%	62	65	65	68	104,8	100,0	104,6
1.2.3	Đàn lợn	con	33.075	35.000	34.000	36.000	102,8	97,1	105,9
1.2.4	Gia cầm	ngàn con	725	800	850	870	117,2	106,3	102,4

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	Năm 2022		KH2023	So sánh %		
				KH2022	UTH 2022		UTH 2022/ TH 2021	UTH2022/ KH2022	KH2023/ UTH2022
1.2.5	Đàn dê	con	694,0	700,0	700,0	700,0	100,9	100,0	100,0
II	Giá trị sản lượng nông nghiệp (GSS2010)	Tỷ đồng	263,600	283,500	272,600	283,600	103,4	96,2	104,0
1	<i>Sản lượng khai thác thuỷ hải sản</i>	tấn	3.150	3.285	3.508	3.510	111,4	106,8	100,1
	<i>a) Sản lượng hải sản</i>	Tấn	2.900	3.000	3.215	3.215	110,9	107,2	100,0
	<i>Trong đó: Cá các loại</i>	"	2.450	2.715	2.650	2.650	108,2	97,6	100,0
	- Tôm		30	35	42	42	140,0	120,0	100,0
	- Hải sản khác	"	420	450	523	523	124,5	116,2	100,0
	<i>b) Sản lượng thuỷ sản</i>	"	250	285	293	295	117,2	102,8	100,7
	<i>Trong đó: Cá các loại</i>	"	130	145	180	155	138,5	124,1	86,1
	Tôm	"	20	20	20	25	100,0	100,0	125,0
	<i>Thuỷ sản khác</i>	"	100	120	93	115	93,0	77,5	123,7
2	<i>Nuôi trồng thuỷ sản</i>								
2.1	<i>Diện tích nuôi trồng</i>	ha	920	920	833,1	920	90,6	90,6	110,4
	<i>Nước lợ, mặn</i>	ha	615,0	615,0	529,4	615,0	86,1	86,1	116,2
	<i>Trong đó: Tôm</i>	ha	605	605	495,7	605	81,9	81,9	122,0
	<i>Nước ngọt</i>	ha	305	305	303,7	305	99,6	99,6	100,4
2.2	<i>Sản lượng nuôi trồng</i>	tấn	3.150	3.352	2.939,1	3.317	93,3	87,7	112,9
	<i>Trong đó: Tôm</i>	tấn	2.795	2.950	2.353,6	2.900	84,2	79,8	123,2
	<i>Cá nước ngọt</i>	tấn	330	375	520,5	390	157,7	138,8	74,9
	<i>Thủy sản khác</i>	tấn	25	27	65	27	260,0	240,7	41,5
III	Giá trị sản lượng lâm nghiệp (GSS2010)	Tỷ đồng	136,800	146,200	146,500	146,800	107,1	100,2	100,2

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	Năm 2022		KH2023	So sánh %		
				KH2022	U'TH 2022		U'TH 2022/ TH 2021	U'TH2022/ KH2022	KH2023/ U'TH2022
1	Trồng mới rừng tập trung	ha	1.750	1.800	1.850	1.850	105,7	102,8	100,0
2	Trồng cây phân tán	1000 cây	900	900	900	900	100,0	100,0	100,0
3	Chăm sóc rừng trồng	ha	4.100	4.950	4.950	5.339	120,7	100,0	107,9
4	Sản lượng khai thác gỗ	m3	210.000	216.000	216.000	218.000	102,9	100,0	100,9
B	Công nghiệp - TTCN								
	Giá trị sản lượng (GSS2010)	Tỷ đồng	878,023	1.029,925	1.035,924	1.218,579	118,0	100,6	117,6
1	Khai thác cát	"	5,697	6,713	6,730	7,921	118,1	100,3	117,7
2	Khai thác sạn	"	7,749	9,145	9,185	10,791	118,5	100,4	117,5
3	Xay xát lương thực	"	38,464	45,186	45,706	53,319	118,8	101,2	116,7
4	Sản xuất gạch nung	"	49,504	58,565	58,742	67,935	118,7	100,3	115,6
5	Sản xuất gạch không nung	"							
6	Gỗ xẻ các loại	"	216,920	253,300	253,844	298,894	117,0	100,2	117,7
7	Ván ghép thanh	"	5,438	6,248	6,375	7,372	117,2	102,0	115,6
8	Sản xuất bờ lô	"	46,722	54,315	54,411	64,092	116,5	100,2	117,8
9	Sản xuất nước mắm	"	28,084	32,725	33,112	38,616	117,9	101,2	116,6
10	Chế biến thủy sản	"	0,477	0,556	0,562	0,656	117,8	101,1	116,7
11	Sản xuất mộc dân dụng	"	58,401	67,703	67,978	79,889	116,4	100,4	117,5
12	Sản xuất nước đá	"	14,068	16,681	16,713	19,684	118,8	100,2	117,8
13	Bánh kẹo các loại	"	9,724	11,560	11,577	13,641	119,1	100,1	117,8
14	Sản xuất rượu trắng	"	1,477	1,753	1,756	2,069	118,9	100,2	117,8
15	Sản xuất bún bánh	"	100,779	118,890	118,989	140,290	118,1	100,1	117,9
16	Mỗ lợn	"	14,985	17,404	17,431	20,536	116,3	100,2	117,8
17	Sản xuất công cụ cầm tay	"	0,222	0,256	0,257	0,302	115,8	100,4	117,5
18	Cửa bằng kim loại	"	30,728	35,785	35,849	42,226	116,7	100,2	117,8
19	May quần áo	"	125,829	149,600	153,008	181,016	121,6	102,3	118,3

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	Năm 2022		KH2023	So sánh %		
				KH2022	UTH 2022		UTH 2022/ TH 2021	UTH2022/ KH2022	KH2023/ UTH2022
20	Nước lọc tinh khiết	"	13,296	15,500	15,539	18,290	116,9	100,3	117,7
21	Titan	"	23,256	27,668	27,693	32,648	119,1	100,1	117,9
22	Bao bì	"	0,06	0,060	0,024	0,024	40,0	40,0	100,0
23	Gỗ dăm	"	70,666	82,450	82,566	97,291	116,8	100,1	117,8
24	Củi trâu	"	1,443	1,683	1,685	1,986	116,8	100,1	117,9
25	Các sản phẩm khác	"	14,034	16,179	16,192	19,091	115,4	100,1	117,9
C	Thương mại - dịch vụ								
	Giá trị sản lượng (GSS2010)	Tỷ đồng	2.256,949	2.607,448	2.609,747	3.015,352	115,6	100,1	115,5
1	Kinh doanh ô tô	"	428,778	501,117	501,225	586,120	116,9	100,0	116,9
2	Lương thực- TP	"	500,143	575,350	575,394	662,429	115,0	100,0	115,1
3	Vật liệu xây dựng	"	143,600	165,205	165,234	190,896	115,1	100,0	115,5
4	Thiết bị, đồ dùng GĐ	"	50,900	58,548	58,556	67,699	115,0	100,0	115,6
5	Quần áo, giày dép	"	73,087	84,058	84,063	97,022	115,0	100,0	115,4
6	Tiểu thương các chợ	"	678,524	787,371	787,568	906,933	116,1	100,0	115,2
7	KD Xăng dầu	"	182,502	208,890	205,976	236,947	112,9	98,6	115,0
8	KD khí hóa lỏng	"	18,002	20,710	20,723	23,911	115,1	100,1	115,4
9	Thức ăn chăn nuôi	"	44,783	51,511	51,205	59,016	114,3	99,4	115,3
10	Phân bón, thuốc BVTV	"	12,184	14,017	14,016	16,143	115,0	100,0	115,2
11	Thuốc đông tây y, thú y, thủy sản	"	9,909	11,406	11,421	13,136	115,3	100,1	115,0
12	Kinh doanh các mặt hàng khác	"	9,167	10,543	10,550	12,173	115,1	100,1	115,4
13	Lưu trú	"	0,862	0,985	0,994	1,150	115,2	100,9	115,7
14	Ăn uống	"	40,640	46,147	48,614	56,194	119,6	105,3	115,6

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	Năm 2022			KH2023	So sánh %		
				KH2022	U'TH 2022	U'TH 2022/ TH 2021		U'TH2022/ KH2022	KH2023/ U'TH2022	
15	Vận tải	"	35,809	40,188	41,831	48,254	116,8	104,1	115,4	
16	Công nghệ thông tin	"	10,636	12,041	12,264	14,174	115,3	101,9	115,6	
17	Các dịch vụ khác	"	17,421	19,360	20,114	23,155	115,5	103,9	115,1	
D	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	1.775,955	1.978,426	2.047,167	2.353,873	115,3	103,5	115,0	
Đ	Thu chi ngân sách									
I	Tổng thu NS nhà nước	Tỷ đồng	632,524	493,993	708,550	494,188				
	Trong đó: Tổng thu NSNN trên địa bàn	"	103,841	75,000	93,452	96,010				
	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	"	440,308	395,945	483,859	388,754				
	Thu chuyển nguồn	"	84,032	23,048	123,733	9,424				
	Thu kết dư	"	4,294		7,063					
	Thu cấp dưới nộp lên	"	0,049		0,443					
II	Tổng chi NS địa phương	Tỷ đồng	580,361	488,303	601,837	494,188				
	Trong đó: Chi đầu tư phát triển	"	67,750	71,730	72,315	47,934				
	Chi thường xuyên	"	387,242	407,691	402,636	416,659				
	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu	"	114,381		114,156	20,597				
	Chi từ nguồn dự phòng	"	10,955	8,882	8,882	8,998				
	Chi chuyển nguồn năm sau	"								
	Chi nộp trả cấp trên	"	0,033							
E	Văn hoá - Giáo dục									
I	Văn hoá									
	Số đơn vị đã phát động văn hóa	Đơn vị	173	174	173	174				

TT	Chi tiêu	ĐVT	TH 2021	UTH 2022	UTH2022/	KH2022	UTH2022/KH2022	So sánh %	Nam 2022				KH2023	UTH 2022	UTH 2022/	So sánh %
									Đơn vị	157	159	157	17	17	17	17
II	Giao duć								Xâ	18	18	18	18	18	18	18
	Ty lẻ hở có phuotng tién ngehe nhim								Xâ	17	18	17	18	17	18	18
	Dai truyến thanh FM xâ								Xâ	17	18	17	18	17	18	18
	Mâm non								%	98	98	98	98	98	98	98
I	Truong								Truong	42	42	42	42	42	42	42
	Ti�� hoc								HS	17.281	17.350	17.145	17.350	17.145	17.350	17.350
	M��m non								"	4.730	4.750	4.597	4.750	4.597	4.750	4.750
	TH&TCHCS								"	7.270	7.300	7.297	7.300	7.297	7.300	7.300
	Ti�� hoc								"	5.281	5.300	5.251	5.300	5.251	5.300	5.300
	M��m non								"	14	16	15	16	15	16	16
	3 S�� truong dat chuan quo��c g��ia								Truong	26	30	30	35	30	35	35
	Ti�� hoc								"	5	5	5	6	5	6	7

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	Năm 2022		KH2023	So sánh %		
				KH2022	UTH 2022		UTH 2022/ TH 2021	UTH2022/ KH2022	KH2023/ UTH2022
	THCS	"	1	2	2	4			
	TH & THCS	"	6	7	7	8			
III	Y tế								
1	Số giường bệnh/1 vạn dân	Giường	115	115	115	115			
2	Số bác sĩ/ 1 vạn dân	Bác sĩ	46	48	52	55			
3	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	100	100	100			
4	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ làm việc	%	78.0	89.0	89.0	89.0			
5	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi theo cân nặng	%	7.1	<7	6.6	6.4			
6	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	97.6	98	98	>98			
IV	Dân số - Lao động- Môi trường								
1	Dân số	người	90,030	90,800	90,150	90,250			
2	Tỷ lệ phát triển dân số	%	0.265	0.40	0.400	0.50			
3	Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên	%	17.5	17.0	19.0	17.0			
4	Số làng phát động, phát động lại không sinh con thứ 3 từ trước đến nay	Làng	87	89	90	90			
5	Số làng phát động, phát động lại không sinh con thứ 3 trong năm	Làng	2	2	4	4			
6	Tỷ suất sinh	%	8,76	9	8.9	9			
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	56.4	59.8	59.8	63.2			
	Trong đó: Qua đào tạo nghề	%	46.2	48.4	48.4	50.6			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	Năm 2022		KH2023	So sánh %		
				KH2022	UTH 2022		UTH 2022/ TH 2021	UTH2022/ KH2022	KH2023/ UTH2022
8	Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	LĐ	2.430	1.850	3.409	1.900			
	Trong đó: Số lao động được xuất khẩu trong năm	LĐ	155	200	488	200			
9	Tỷ lệ giảm hộ nghèo	%	1,06	1-1,5	'01	0,5-01			
10	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	42	42	42	42			
11	Tỷ lệ hộ SD nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100			
12	Tỷ lệ hộ SD nước sạch	%	62	63	63	64			